



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Lê Công Thường
Last Middle First

Current Address: 140/11/B Phan-V. Tr., F. 12, Q. Bình Thạnh, T/ph. HCM

Date of Birth: 10-16-37 Place of Birth: Bien Hoa, VN

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6-24-75 To 9-11-81
Years: 6 Months: 3 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Trưởng Văn Tung
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Trưởng Văn Tung</u>	<u>Cousin</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 1-22-89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Lê Công Thuận
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Lê Thị Hồng Đào	11-1-70	daughter
" " " Hoa	30-6-71	"
" Công Minh	31-7-72	son
" " Danh	3-12-73	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR GGP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NHẬP QUÂN

COP IV /

Date:

Ngày: 28-8-1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : LÊ CÔNG THƯỜNG Sex:
Phái NAM
2. Other Names
Họ, tên khác : /
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 16-10-1937 Ben Tre
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 140/11/8 PHAN VĂN TRÍ, F12, QUẬN BÌNH THẠNH
TP. HỒ CHÍ MINH
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 140/11/8 PHAN VĂN TRÍ, F12, QUẬN BÌNH THẠNH
TP. HỒ CHÍ MINH
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : LÀM TÀI

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (M) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa chồng (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MR Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia đình
1. LÊ THUYẾT DẠO	11-1-1970	Quận 5 Saigon	nữ	Độc thân	con ruột
2. LÊ THUYẾT HOA	30-6-1971	Xã Bình Hòa	nữ	nl	nl
3. LÊ ANH MINH	31-7-1972	Xã Bình Hòa	nam	nl	nl
4. LÊ ANH DẠNH	3-10-1973	Xã Bình Hòa	nam	nl	nl
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy-thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa chồng), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con không cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ:

a. Name

Họ tên:

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình:

c. Address

Địa-chỉ:

D. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ:

Bà con bạn đi về

1986

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên:

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình:

c. Address

Địa-chỉ:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha:

LE VAN BAY (Sống)

2. Mother

Mẹ:

MAI THI BICH (Chết)

3. Spouse

Vợ/Chồng:

NGUYEN THOI LAN (Đã ly dị)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children

Con cái:

(1) LE THI HONG DAO

(2) LE THI HONG HOA

(3) LE CONG MINH

(4) LE CONG DANH

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: LE CÔNG THƯỜNG
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 12-1962 Đến 30-4-1975
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Đại úy Serial Number: Số quân: 57/48799
38 của nhân-viên liên lạc hàng không 267313
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chương : TRƯỜNG BỘ BINH THUỘC - BỘ TƯ LỆNH CẢNH SÁT
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Đại tá VŨ VĂN TÂM, Giám đốc Nha Tâm lý chiến
Cảnh sát

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

: Đơn vị cũ nghỉ ngày 30-4-75

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ
tại Việt Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phần thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thư nếu có.
Đúng sẽ có không? Có Không.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn luyện: LÊ CÔNG THƯỜNG

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường: IWS, JOHORE, MALAYSIA

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ: 15-1-1968

To

Tới: 23-11-1968

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

: Khóa Tác chiến Rừng Rậm

5. Who paid for training?

AI đài-thọ chương-trình huấn luyện?

: Viện trợ Hoa Kỳ

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo: LÊ CÔNG THƯỜNG

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

To:

Từ: 24-5-75 Tới: 11-9-1981

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

xin được bổ-túc hồ-sơ sau.

Signature

Ký tên:

Thường

Date

Ngày:

28-8-1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số 1250GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

432/1-...
Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định của số 64 ngày 28 tháng 8 năm 1981

của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Công Thuận

Họ, tên thường gọi Lê Công Thuận

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1937.

Nơi sinh Bến tre.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 104/11/8 Phan Văn Trị, Gia Định.

Can tội Đại nỷ nguy hiểm phải cảnh sát.

Bị bắt ngày 24-6-1975

Án phạt TCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 140/11/8 Phan Văn Trị, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian học tập đã có nhiều tiến bộ, chấp hành nội quy của trại nghiêm, lao động tích cực, học tập tiếp thu bài tốt.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (Mười hai tháng)

- Thời hạn đi đường: 02 ngày (Kể từ ngày ký giấy ra trại)

Tiến đi đường đã chấp từ trại về đến gia đình.

(Không được cư trú trong thành phố)

Ấn tay ngón trỏ phải

Cá Lê Công Thuận.

Danh bìa

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Minh

Ngày 11 tháng 9 năm 1981

Phó



Thiếu tá Trần Hữu Phúc.

FROM: LÊ CÔNG THƯỜNG

140/11/8 Phan Văn Trị, Bình Thạnh

TP Hồ Chí Minh - S. VN.

PAR AVION



VIET NAM

✠ 2473 đ

BUU CHINH
SM: 007

TO: Mrs KHUC MINH THO

PO BOX 5435

ARLINGTON VA 22205-0636

USA



BY AIR MAIL PAR AVION

CONTROL

☒ Card
☒ Doc. Request; Form 1-17-89 N. Carolina
☐ Release Order
☒ Computer
☒ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter